

**PHỤ LỤC: CÁC CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU
LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ TẠI XÃ LỘC TIẾN VÀ
XÃ LỘC VĨNH, HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3935/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023
của UBND huyện Phú Lộc)*

Số TT	Chủ sử dụng đất	Hộ khẩu thường trú	Vị trí thửa đất thu hồi		Diện tích đất thu hồi (m ²)			
			Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng số	Trong đó		
						Đất ở tại nông thôn	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở)	Đất trồng cây lâu năm
1	Ông Văn Quát và bà Nguyễn Thị Hương	xã Lộc Tiến	36, 17, 26	1	2,782.1	400.0	1,258.5	1,123.6
2	Ông Nguyễn Việt Thanh và bà Trần Thị Thương	xã Lộc Tiến	35	2	3,088.5	400.0	2,688.5	
3	Ông Nguyễn Sanh Hòa và bà Đoàn Thị Lợi	xã Lộc Tiến	183	5	1,180.7	400.0	780.7	
4	Ông Hồ Trí Toại và bà Huỳnh Thị Kiêm	xã Lộc Tiến	57	2	2,874.2	400.0	2,474.2	
5	Bà Trần Thị Thí	xã Lộc Tiến	145	5	4,793.6	400.0	4,393.6	
6	Bà Phạm Thị Bê	xã Lộc Tiến	139	5	1,641.5	400.0	1,241.5	
7	Ông Nguyễn Thị Vang và các đồng thừa kế của ông Trần Thám	xã Lộc Tiến	115, 73, 26, 86	1, 4	17,306.3	800.0	11,221.3	5,285.0
8	Ông Bùi Ngọc Chinh và bà Nguyễn Thị Bình	xã Lộc Tiến	159	5	592.9	400.0	192.9	
9	Ông Huỳnh Văn Bình và bà Nguyễn Thị A	xã Lộc Tiến	98, 77, 89	1, 2	15,024.7	400.0	4,282.7	10,342.0
10	Bà Nguyễn Thị Chác và các đồng thừa kế của ông Huỳnh Phùng	xã Lộc Tiến	114	4	5,718.3	400.0	5,318.3	

Số TT	Chủ sử dụng đất	Hộ khẩu thường trú	Vị trí thửa đất thu hồi		Diện tích đất thu hồi (m ²)			
			Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng số	Trong đó		
						Đất ở tại nông thôn	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở)	Đất trồng cây lâu năm
11	Ông Trần Minh Tùng và bà Phạm Thị Lan	xã Lộc Tiến	150	5	2,607.0	400.0	2,207.0	
12	Bà Trần Thị Cận	xã Lộc Tiến	5	2	3,027.8			3,027.8
13	Bà Nguyễn Thị Hiếu và các đồng thừa kế của ông Trần Văn Đá	xã Lộc Tiến	15	1	441.4			441.4
14	Bà Trần Thị Hia	xã Lộc Tiến	93	1	1,043.2			1,043.2
15	Ông Huỳnh Ly và bà Nguyễn Thị Bé	xã Lộc Tiến	22, 35	4	1,071.5			1,071.5
16	Ông Nguyễn Hòa và bà Cao Thị Hương	xã Lộc Tiến	12, 59	2, 4	2,016.0			2,016.0
17	Ông Lê Đình và bà Trần Thị Hoa	xã Lộc Tiến	65	2	1,270.0			1,270.0
18	Ông Nguyễn Đới và bà Trần Thị Gái	xã Lộc Tiến	37	4	8,180.6			8,180.6
19	Bà Nguyễn Thị Huê và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Khoa	xã Lộc Tiến	19, 50	4	5,022.2			5,022.2
20	Ông Trần Xuân Uẩn và bà Trần Thị Bông	xã Lộc Tiến	81, 25, 71	1, 4	16,638.1			16,638.1
21	Ông Nguyễn Giá và bà Đặng Thị Dũ	xã Lộc Tiến	26, 36	2, 4	1,370.0			1,370.0
22	Ông Nguyễn Thu và bà Nguyễn Thị Hương	xã Lộc Tiến	15, 64	4	408.9			408.9
23	Bà Phan Thị Ánh	xã Lộc Tiến	63, 29,	1, 2	1,583.1			1,583.1

Số TT	Chủ sử dụng đất	Hộ khẩu thường trú	Vị trí thửa đất thu hồi		Diện tích đất thu hồi (m ²)			
			Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng số	Trong đó		
						Đất ở tại nông thôn	Đất trồng cây lâu năm (đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở)	Đất trồng cây lâu năm
24	Bà Huỳnh Thị Nhớ là đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất	xã Lộc Tiến	95	1	2,374.7			2,374.7
25	Bà Nguyễn Thị Huôn (Huân) và các đồng thừa kế của ông Huỳnh Sim	xã Lộc Tiến	24	2	982.4			982.4
26	Ông Nguyễn Tuấn và các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị Nguyên	xã Lộc Tiến	103, 76, 21	1, 2, 4	3,204.2			3,204.2
27	Bà Phan Thị Kim Thúy và các đồng thừa kế của ông Mai Thiên	xã Lộc Tiến	51, 61,	1	3,507.9			3,507.9
28	Ông Nguyễn Kính và bà Nguyễn Thị Kính	xã Lộc Tiến	160	2	769.0			769.0
29	Ông Lê Phước Ngân (CCCD số 046086009197)	xã Lộc Vĩnh	3	1	4,321.8		4,321.8	
30	Ông Nguyễn Hữu Đê và bà Nguyễn Thị Nhưong	xã Lộc Vĩnh	2	1	2,411.7		2,411.7	
Tổng cộng					117,254.3	4,800.0	42,792.7	69,661.6

(Bảng chữ: Một trăm mười bảy nghìn, hai trăm năm mươi bốn phẩy ba mét vuông)

117,254.3